

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán châu Á trước thông tin Trung Quốc đang bắt đầu giảm nhanh các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm do chịu ảnh hưởng bởi diễn biến tiêu cực của TTCK toàn cầu

[Thông tin doanh nghiệp]

VHC, PNJ

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể trải lệnh mua trở lại một phần vị thế đã bán trading khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ gần tại quanh 1170

23/03/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,183.45	-0.92
VN30	1,186.98	-0.96
HĐTL VN30F1M	1,184.50	-0.66
HNXIndex	272.34	-0.91
HNX30	397.09	-1.59
UPCoM	81.14	-0.17
USD/VND	23,077	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.42	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.24	+6
Dầu (WTI, \$)	60.59	-1.56
Vàng (LME, \$)	1,737.91	-0.06

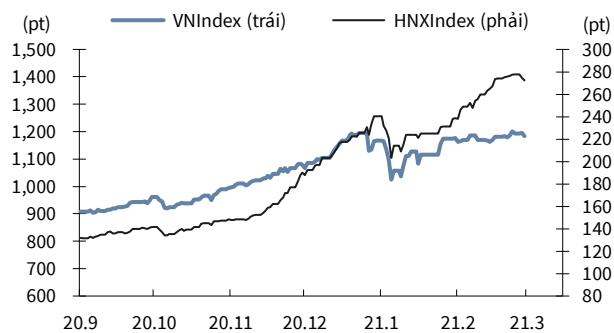


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,183.45 (-0.92%)
KLGD (triệu CP)	643.6 (+5.9%)
GTGD (triệu US\$)	668.0 (-2.4%)
HNXIndex	272.34 (-0.91%)
KLGD (triệu CP)	164.0 (+2.4%)
GTGD (triệu US\$)	112.2 (+35.9%)
UPCoM	81.14 (-0.17%)
KLGD (triệu CP)	58.9 (-26.9%)
GTGD (triệu US\$)	40.1 (-9.6%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-11.5

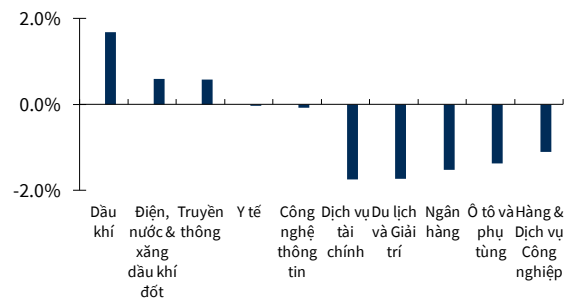
TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán châu Á trước thông tin Trung Quốc đang bắt đầu giảm nhanh các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế. Theo Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng "room" tín dụng được NHNN cấp cho các TCTD năm 2021 thấp hơn so với năm trước khi các ngân hàng có vốn Nhà nước được cấp tín dụng tăng 6.5-7.5% và các ngân hàng TMCP được giao tăng trưởng 8.5-12% khiến cổ phiếu nhóm ngân hàng giảm giá BID (-2.1%), CTG (-1.5%). Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá như PVS (-1.7%), PVD (-1.5%) sau khi giá dầu giảm mạnh do nhà đầu tư lo ngại các lệnh phong tỏa mới tại châu Âu sẽ cản trở đà phục hồi của nhu cầu nhiên liệu. Vụ Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng) cho biết trong 3 tháng đầu năm, sản lượng tiêu thụ các sản phẩm xi măng ước đạt 22.31 triệu tấn, tăng 1.5% so với cùng kỳ năm 2020 và giá xuất khẩu tăng nhẹ tác động tích cực đến cổ phiếu ngành xi măng ở HT1 (+3.5%), BCC (+1.7%). Khối ngoại tiếp tục bán ròng ở VNM (-0.6%), CTG (-1.5%), VCB (-1.2%).

VNIndex & HNXIndex



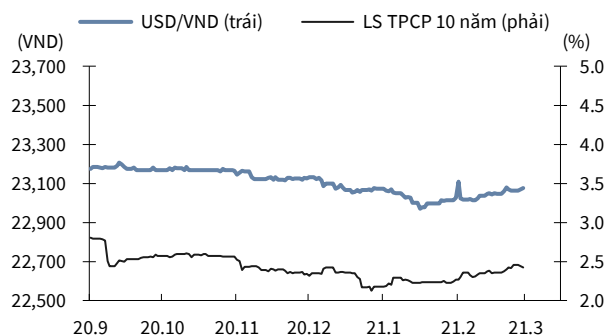
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



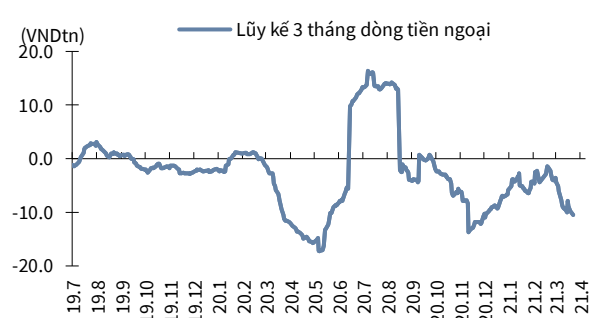
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

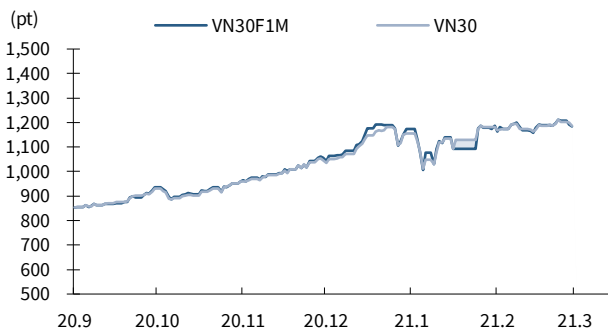
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,186.98 (-0.96%)
VN30F1M	1,184.5 (-0.66%)
Mở cửa	1,195.7
Cao nhất	1,195.9
Thấp nhất	1,179.9

HĐTL giảm điểm do chịu ảnh hưởng bởi diễn biến tiêu cực của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2104 và VN30 mở cửa ở mức -3.14 và giao động trong biên độ -3.3 và 4.1 trước khi đóng cửa ở -2.48. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản tiếp tục được cải thiện.

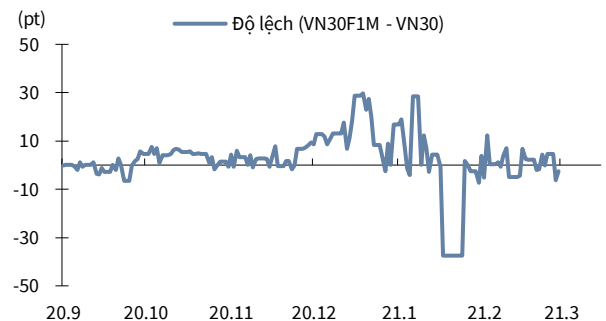
KLGD (HĐ) **138,965 (+8.8%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



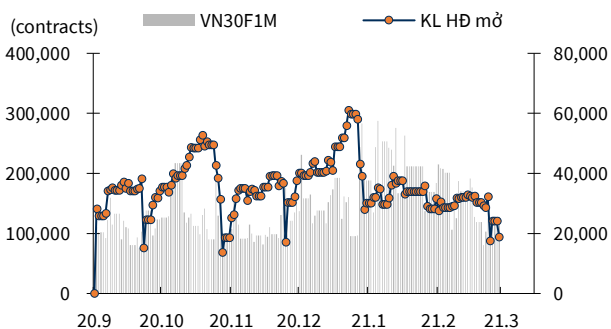
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



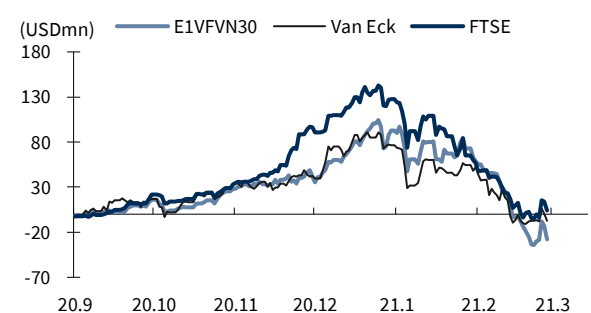
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

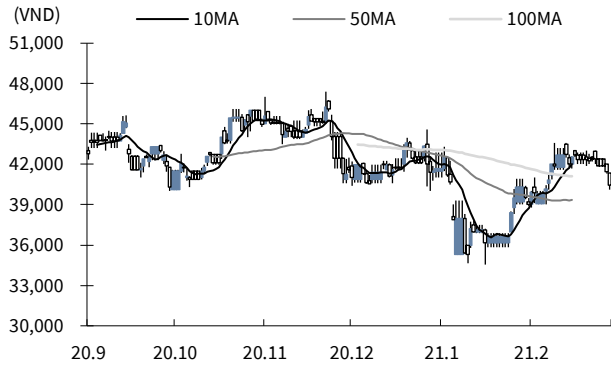
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vinh Hoàn (VHC)

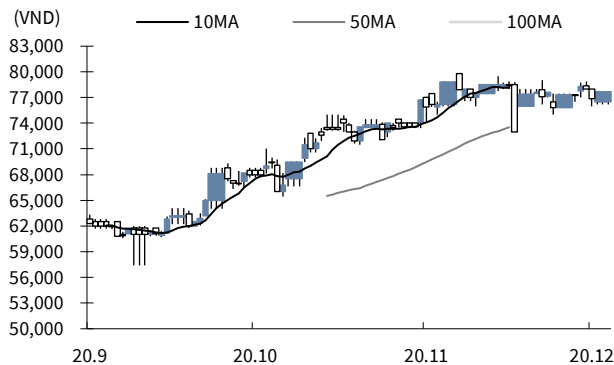


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC giảm -2.4% xuống 40,450 VNĐ/cp.

- VHC thông báo doanh số xuất khẩu lũy kế 2 tháng đầu năm đạt 1,068 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thị trường chính của VHC là Mỹ ghi nhận giảm nhẹ 1%, châu Âu tăng 21% và Trung Quốc tăng mạnh 173%. Xét về cơ cấu sản phẩm, cá tra ghi nhận 744 tỷ đồng (+0.3% YoY), sản phẩm phụ 163 tỷ đồng (+83% YoY), sản phẩm cho sức khỏe 106 tỷ đồng (+30% YoY).

Công ty Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

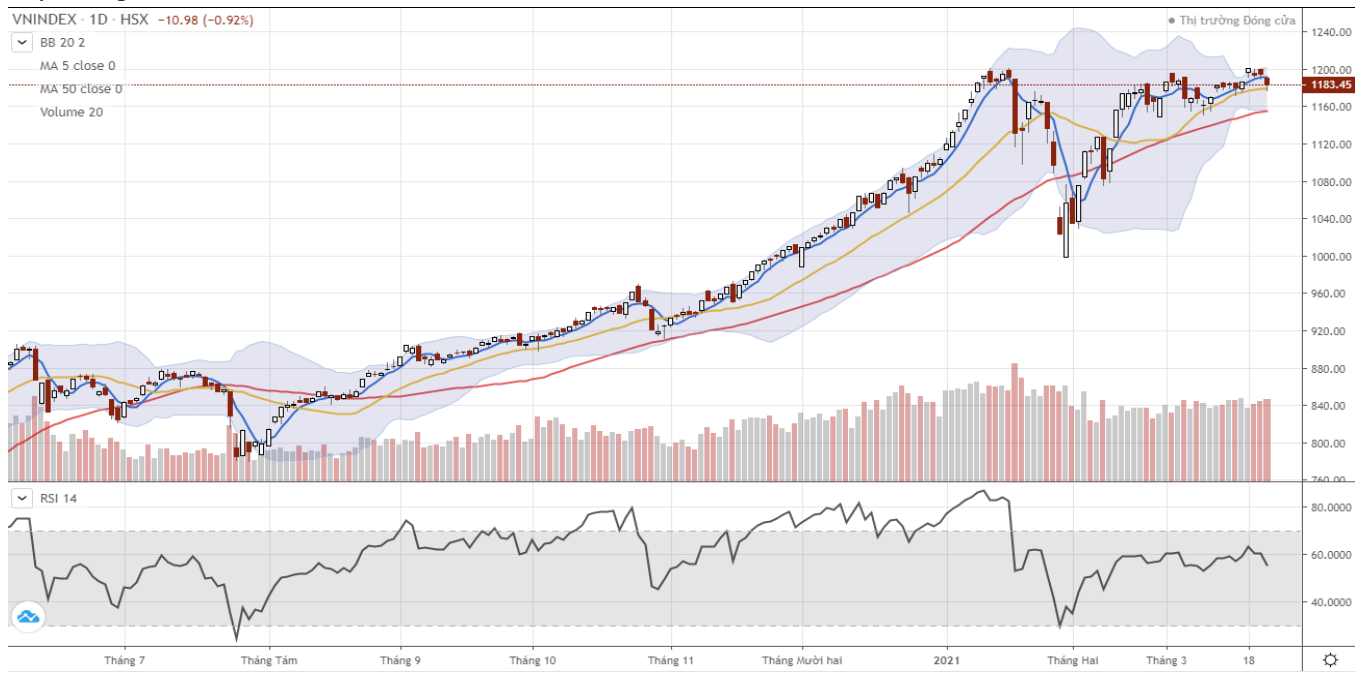
- PNJ đi ngang đóng cửa ở 84,200 VNĐ/cp.

- PNJ thông báo tháng 2 ghi nhận lợi nhuận 212 tỷ đồng (+19% YoY) và doanh thu thuần 2.840 tỷ đồng (+40.7% YoY). PNJ lý giải doanh thu và lợi nhuận tăng chủ yếu đến từ mảng bán lẻ (+16% YoY) và vàng miếng (+94% YoY) nhờ có nhiều sản phẩm và hoạt động marketing hướng đến khách hàng dịp valentine và ngày thần tài.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

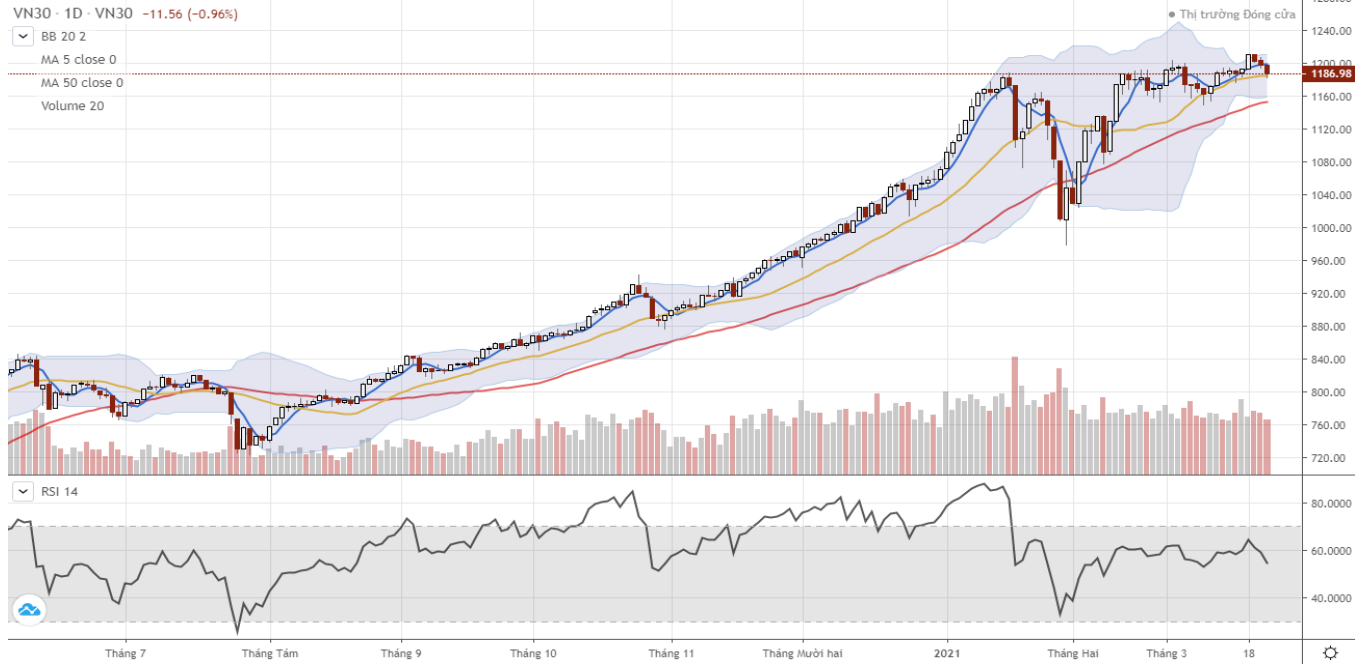
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex điều chỉnh mạnh trong phiên trước khi hồi phục nhẹ, lấy lại 1 phần điểm số vào cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng mặc dù xu hướng tăng trung hạn đang được bảo lưu nhưng trạng thái thị trường trong ngắn hạn đang có phần trung tính với các nhịp điều chỉnh xuất hiện đan xen.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể trải lệnh mua trở lại một phần vị thế đã bán trading khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ gần tại quanh 1170.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1195 - 1200

Kháng cự gần: 1189 - 1191

Hỗ trợ gần: 1174 - 1179

Hỗ trợ xa: 1167 - 1172

- F1 điều chỉnh mạnh trong phiên trước khi hồi phục nhẹ, lấy lại 1 phần điểm số vào cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng mặc dù xu hướng tăng trung hạn đang được bảo lưu nhưng trạng thái ngắn hạn đang có phần trung tính với các nhịp điều chỉnh xuất hiện đan xen.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và chốt lời quay vòng ngắn tại vùng kháng cự trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

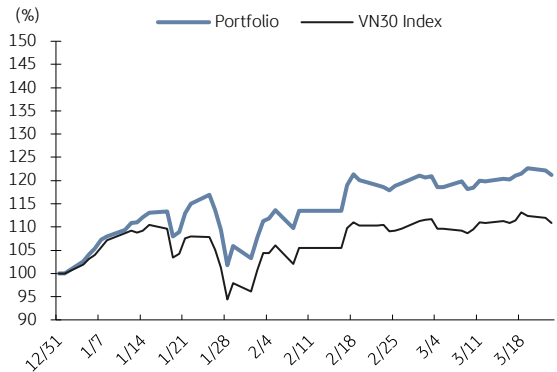
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.96%	-0.76%
Tăng lũy kế (YTD)	10.85%	21.23%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/03/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	131,000	-0.7%	13.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	34,900	-1.7%	42.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,200	0.0%	9.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,350	-1.0%	66.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	55,500	-1.8%	63.2%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	78,800	0.1%	135.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	40,500	-1.5%	66.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	91,800	1.4%	25.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá đầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,600	-0.3%	138.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	40,500	-2.2%	195.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MSB	-2.3%	30.0%	107.4
MBB	-1.1%	23.1%	91.1
ACB	-1.2%	30.0%	47.1
E1VFN30	-1.3%	97.6%	31.8
FUEVFN30	-1.0%	99.8%	25.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.6%	56.5%	-187.5
CTG	-1.5%	27.9%	-76.6
VCB	-1.2%	23.5%	-31.8
VIC	-0.7%	14.0%	-29.8
PLX	2.1%	16.5%	-28.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.7%	9.4%	0.4
VCS	-0.5%	3.7%	0.6
SHS	-2.1%	9.0%	0.6
INN	-2.0%	5.9%	0.5
SZB	-1.4%	6.2%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-2.5%	3.5%	-3.1
BVS	-2.6%	10.7%	-1.0
ART	8.7%	4.4%	-0.8
PPS	9.8%	30.1%	-0.7
HOM	-3.7%	1.0%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	2.9%	BVH, BMI
Ngân hàng	1.3%	CTG, BID
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.3%	TMS, REE
Tài nguyên Cơ bản	1.2%	HPG, HAP
Du lịch và Giải trí	0.8%	HVN, VNG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	-2.3%	FPT, SAM
Thực phẩm và đồ uống	-1.3%	MSN, VNM
Dầu khí	-1.1%	PLX, PVD
Bán lẻ	-1.1%	MWG, DGW
Xây dựng và Vật Liệu	-0.8%	VCG, CTD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	9.7%	HPG, HSG
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.7%	RAL, TCM
Dịch vụ tài chính	5.0%	VCI, HCM
Công nghệ thông tin	4.4%	FPT, CMG
Du lịch và Giải trí	3.3%	HVN, VNG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-4.1%	VNM, MSN
Truyền thông	-4.0%	ADG, YEG
Bất động sản	-2.8%	VHM, VIC
Dầu khí	0.3%	PVD, PLX
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.4%	LGC, PVT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	134,180 (5.8)	22.5	46.6	34.9	11.1	8.7	11.3	3.8	3.4	-0.7	1.0	-3.2	-1.6
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	234,041 (10.2)	26.6	10.5	8.8	37.1	30.3	28.2	2.8	2.2	-0.6	-0.8	-6.3	10.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	162,495 (7.1)	17.8	26.8	21.4	-7.6	9.5	11.0	2.5	2.2	-1.3	-1.9	-0.7	8.8
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,768)	185,101 (8.0)	31.3	21.2	19.7	6.7	11.4	11.4	2.6	2.2	-1.0	-1.1	-1.0	22.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,300	19,167 (833)	53,823 (2.3)	11.6	14.4	10.9	18.0	15.2	17.6	2.0	1.7	-1.9	0.5	-6.3	7.2
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	196,470 (8.5)	13.9	10.0	8.9	-	19.0	18.4	1.6	1.4	-2.8	-2.2	-3.2	50.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	120,985 (5.2)	6.3	17.0	13.6	17.8	20.4	21.3	3.0	2.6	-1.2	0.1	-4.2	-2.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	104,796 (4.5)	12.7	17.8	12.3	-5.3	12.4	15.4	1.9	1.6	-2.1	3.1	-0.7	-8.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	497,270 (21.6)	0.0	9.6	8.3	14.4	18.2	17.6	1.6	1.3	-2.1	1.5	1.6	28.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	427,411 (18.5)	1.4	9.1	8.4	61.0	18.1	17.1	1.5	1.4	-1.5	7.4	9.3	17.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	228,256 (9.9)	0.0	9.1	7.6	18.8	19.9	19.9	1.7	1.4	-0.9	0.3	9.9	36.9
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	496,236 (21.5)	0.0	7.8	6.5	14.6	19.9	20.1	1.4	1.2	-1.0	-1.0	3.5	24.4
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	123,289 (5.3)	4.2	7.7	6.8	23.4	18.9	18.7	-	-	-1.7	-1.1	2.1	11.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	451,429 (19.6)	14.0	13.0	7.8	32.4	9.5	13.5	1.1	1.0	-2.1	-0.5	0.0	11.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	133,210 (5.8)	0.0	7.5	5.4	37.5	23.3	24.1	1.4	1.1	-1.7	-0.7	1.3	5.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	8,661 (0.4)	0.2	39.2	37.8	27.3	3.6	3.6	1.4	1.3	-1.8	3.3	3.8	-1.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	47,850 (2.1)	21.0	28.1	22.5	15.2	8.2	9.5	2.2	2.0	-0.8	3.5	2.0	-6.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	9,830 (0.4)	14.2	13.5	11.8	8.4	9.3	10.2	1.1	1.0	-0.2	1.5	1.9	-10.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	383,723 (16.7)	55.4	13.8	13.7	0.0	12.5	12.8	-	-	-1.5	0.6	-2.1	-0.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	73,471 (3.2)	71.9	13.9	-	-4.0	15.5	-	-	-	-2.4	5.9	18.0	11.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	134,987 (5.9)	52.4	18.1	-	-19.0	14.6	-	-	-	-1.9	0.0	6.3	0.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (249)	151,896 (6.6)	27.2	-	-	36.7	11.2	-	-	-	-2.8	3.7	7.3	-1.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	327,698 (14.2)	42.1	19.6	17.8	4.0	35.2	35.6	6.1	5.5	-0.6	-0.8	-6.4	-7.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,179 (0.9)	36.9	21.5	18.9	7.3	25.5	26.2	4.9	4.5	-0.6	-1.4	-4.3	-8.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	99,720 (4.3)	16.5	40.5	22.3	-51.9	14.6	20.9	5.0	4.0	-1.8	-1.7	-6.7	-2.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	117,546 (5.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.5	-5.2	0.9	-18.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	83,642 (3.6)	11.0	63.4	22.4	-88.3	7.6	18.8	4.2	3.3	-1.3	-2.7	-2.2	4.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	77,202 (3.3)	10.8	21.9	17.6	-57.3	8.1	10.2	1.6	1.6	-1.2	4.3	3.6	4.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	62,121 (2.7)	38.4	17.4	6.2	65.7	7.3	16.8	-	-	-0.8	2.1	10.0	13.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	68,598 (3.0)	46.4	-	-	-89.3	-	-	-	-	3.5	8.5	25.7	75.9
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,600	10,411 (452)	137,090 (5.9)	37.7	20.1	10.6	-13.8	9.9	14.7	-	-	-1.7	2.2	7.0	2.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	71,166 (3.1)	3.6	10.9	10.4	-43.9	6.5	6.7	0.7	0.7	-0.1	-3.8	-0.3	-2.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	48,150 (2.1)	0.0	9.6	8.0	-4.5	14.7	15.3	1.4	1.2	-1.8	3.0	-1.6	13.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	85,885 (3.7)	46.1	17.2	16.8	-18.6	19.9	19.3	3.3	3.1	1.4	1.7	2.7	6.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,568 (0.9)	31.4	14.6	11.5	-10.5	11.8	15.9	1.5	1.5	-1.5	-2.2	-2.0	-8.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	14,750 (0.6)	34.1	10.8	10.5	-5.1	11.0	12.2	1.3	1.3	-1.4	-2.1	-	10.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,850	145,287 (6,314)	861,155 (37.4)	18.0	9.2	8.3	25.2	25.4	23.3	2.1	1.7	-0.3	1.1	7.6	12.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	55,250 (2.4)	36.5	11.7	12.6	0.2	8.6	8.2	0.9	0.9	0.5	4.8	13.6	4.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	74,673 (3.2)	46.5	16.7	17.7	-4.5	9.0	8.3	1.4	1.4	2.1	6.4	27.5	24.3
	HSG	HOA SEN GROUP	24,900	11,063 (481)	248,063 (10.8)	38.9	8.8	8.0	67.9	21.1	19.9	1.7	1.5	-0.5	1.1	11.3	29.1
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	55,674 (2.4)	97.2	10.7	9.6	21.9	10.3	11.0	0.9	0.9	-2.1	-3.8	14.7	13.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	193,249 (8.4)	4.6	21.5	17.5	-49.7	15.9	17.2	3.0	2.9	2.1	-1.0	0.7	4.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	244,955 (10.6)	39.9	33.4	20.6	-11.9	1.7	3.1	0.6	0.6	-1.5	-1.9	-2.5	42.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	83,957 (3.6)	35.9	8.6	7.9	-0.1	13.7	13.9	1.1	1.0	-1.1	-1.9	0.0	26.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	109,289 (4.7)	0.0	12.3	9.5	13.7	27.9	28.7	3.0	2.6	-0.7	-1.7	-3.8	10.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	33,978 (1.5)	0.0	15.4	12.2	7.0	23.2	24.7	3.2	2.5	0.0	0.8	0.8	4.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	906 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.3	-0.3	-2.6	-13.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	53,666 (2.3)	30.3	16.6	13.8	-75.2	10.2	14.1	-	-	2.0	9.0	6.2	-3.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	54,512 (2.4)	34.6	10.1	10.1	41.2	26.4	23.4	2.4	2.5	-1.1	0.2	-0.8	-2.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,085 (0.0)	45.4	17.4	16.4	10.7	21.1	20.6	3.4	3.1	-0.2	-0.9	-1.5	-3.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	061 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.9	0.0	-1.3	3.3
IT	FPT	FPT CORP	78,200	61,301 (2,664)	173,939 (7.5)	0.0	15.7	13.3	15.6	24.6	25.8	3.4	3.0	0.1	-2.7	4.4	33.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhhd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.